

Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng thoát hiểm cho học sinh tiểu học thành phố Hà Nội

Phan Văn Kha*; Trịnh Vân Hà**

*GS, TS** Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Received: 12/7/23 Accepted: 20/7/2023 Published: 26/7/2023

Abstract: Educating escape skills in particular and ensuring safety for students in general is not only limited to the selection of content, methods, and forms of education but also related to the following factors. Factors and conditions affecting the process of educating escape skills for primary school students include subjective factors that directly affect the formation of quality, capacity and objective coming from the external environment such as education from family, school, friends, etc. Each factor has a different degree of influence in this process. The article analyzes the factors affecting escape skills education, thereby proposing to improve the effectiveness of escape skills education for primary school students in Hanoi.

Keywords: influence factors, education, escape skills, primary school students

1. Đặt vấn đề

Tiểu học là giai đoạn quan trọng trong quá trình nhận thức và hình thành những KN sống, đặc biệt là KN thoát hiểm (KNTH). Giáo dục trẻ có cái nhìn sâu sắc và có hành vi ứng xử phù hợp, biết tự bảo vệ bản thân tránh khỏi những nguy hiểm là yêu cầu cấp thiết đặt ra cho xã hội nói chung và ngành giáo dục nói riêng. Theo thống kê của Tổ chức UNICEF [9], mỗi năm ở Việt Nam số trẻ bị tai nạn thương tích có khoảng 8.000 trẻ, trong đó số trẻ bị các tai nạn như: bỏng, ngã, ngộ độc, động vật cắn, tai nạn giao thông, ngạt, đuối nước, điện giật, xâm hại, bắt cóc, bạo hành... được cho là những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong ở trẻ. Như vậy, việc trang bị KNTH cho HSTH hiện nay là điều rất cần thiết. Gia đình, nhà trường và xã hội cần chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho trẻ để ứng phó với những thay đổi của cuộc sống.

Trong những năm gần đây, GDKNTH cho HSTH được lồng ghép vào giảng dạy ở một số môn học, hoạt động ngoài giờ lên lớp. Tuy nhiên, quá trình dạy và học còn gặp khó khăn, bất cập như thiếu CSVN, không đủ nguồn học liệu, môi trường giáo dục chưa phù hợp.... Vì vậy, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng có vai trò quan trọng trong việc xác định và xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng GDKNTH ở HSTH Hà Nội.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp điều tra khảo sát bằng bảng hỏi và tọa đàm phỏng vấn là hai phương pháp chủ yếu. Mẫu khảo sát được chọn theo phân tầng, đảm bảo tính đại diện cho vùng thành thị nông

thôn, vùng sâu. Trong mỗi tầng chọn theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên. Tổng số khảo sát là 183 GV, 28 hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đại diện cho 18 trường tiểu học của 6 quận, huyện TP Hà Nội (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Tây Hồ, Sóc Sơn, Đông Anh). Ngoài ra, đã tọa đàm phỏng vấn với đại diện là các hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, GV về GDKNTH cho HSTH.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm cơ bản

- *Tình huống nguy hiểm:* Là những tình huống có xu hướng gây tai nạn, thương tích, sợ hãi, mất an toàn tính mạng và sức khỏe (thể chất và tâm thần) xảy ra ngoài ý muốn của cá nhân người gặp phải [2].

- *Thoát hiểm:* Là việc vượt ra khỏi hoàn cảnh nguy hiểm với kết quả an toàn tính mạng, bị tổn hại ít nhất và không bị gánh những hậu quả nghiêm trọng lâu dài cho cá nhân [2].

- *KN:* Là một dạng hành động được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và những điều kiện sinh học-tâm lý khác của cá nhân (chủ thể có KN đó) như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân ... để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định, hoặc mức độ thành công theo chuẩn hay qui định [2]. KN không phải là khả năng, không phải là kỹ thuật hành động, mà chính là hành động được thực hiện có ý thức, có kỹ thuật và có kết quả.

- *KN thoát hiểm:* KN thoát hiểm là một hình thức của KN sống [1,7]. KN thoát hiểm (Escape skills) là dạng KN tự vượt ra khỏi hoàn cảnh nguy hiểm mà

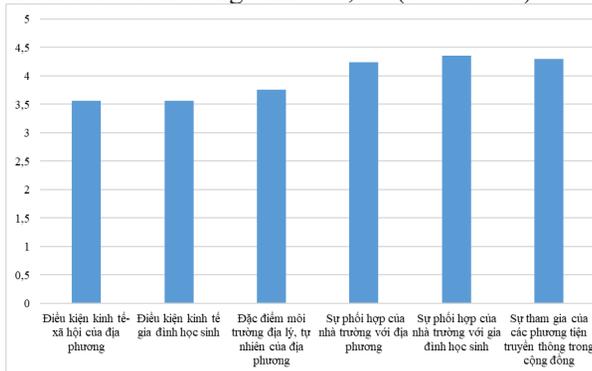
mình đã rơi vào bẫy những phương tiện và cách thức chủ động với kết quả an toàn tính mạng, bị tổn hại ít nhất và không bị gánh những hậu quả nghiêm trọng lâu dài cho cá nhân mình [2].

Mục tiêu của KNTH là hướng tới giải quyết các vấn đề mang tính sinh tồn [2]. HS sẽ vận dụng những hiểu biết, kiến thức đã được trang bị để nhận diện và tìm ra cách ứng phó trước những trường hợp nguy hiểm có thể xảy ra như nguy cơ bị đuối nước, bị lạc, có kẻ trộm đột nhập vào nhà, bị hỏa hoạn, bị hoảng loạn trong không gian hẹp (kẹt trong thang máy, trong phòng khóa kín...), bị đe dọa,... Đối với HS tiểu học, việc GDKNTH bước đầu cung cấp kiến thức, hình thành năng lực để các em có thể đề phòng và biết cách xử lý phù hợp [1].

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến GDKNTH

3.2.1. Các yếu tố khách quan

Theo đánh giá của GV, trong 6 yếu tố khách quan, thì “Sự phối hợp của nhà trường với gia đình HS” được cho là có ảnh hưởng lớn nhất với ĐTB là 4,36, sau đó là “Sự tham gia của các phương tiện truyền thông trong cộng đồng” và “Sự phối hợp của nhà trường với địa phương” với mức đánh giá tương ứng là 4,3 và 4,24. Hai yếu tố “Điều kiện kinh tế- xã hội của địa phương” và “Điều kiện kinh tế gia đình HS” được cho là ít ảnh hưởng hơn đến GDKNTH cho HSTH với điểm trung bình là 3,56. (biểu đồ 3.1)



Biểu đồ 3.1: Ý kiến của GV về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khách quan

Đặc điểm khu vực sinh sống như môi trường địa lý, môi trường tự nhiên không chỉ ảnh hưởng mạnh mẽ đến sinh hoạt, văn hóa, xã hội mà còn ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học trong các cơ sở giáo dục. Qua kết quả khảo sát có thể thấy mức độ “rất ảnh hưởng” của “Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương”, “Điều kiện kinh tế gia đình của HS”, “Điều kiện môi trường địa lý, tự nhiên của địa phương” lần lượt là 24,6%, 29% và 31,1%, tất cả đều dưới 50%,

song song với đó, mức độ “không ảnh hưởng” của 3 yếu tố trên tương đối cao, dao động từ 6% đến 13%, lớn nhất là “Điều kiện kinh tế gia đình của HS”. Ngoài việc thực hiện theo các nguyên tắc, các quy định chung thì quá trình GDKNTH phải cân nhắc đến những yếu tố mang tính đặc thù như khả năng tham gia của HS, giáo dục phải xuất phát từ thực tiễn và gắn với thực tiễn,..., rèn luyện KN thoát hiểm cho HS ở thành thị khác so với việc rèn KN thoát hiểm cho HS ở nông thôn. Cùng nội dung “GDKNTH trong hỏa hoạn” nhưng khi được áp dụng trong môi trường địa lý, tự nhiên ở khu vực gần sông ngòi, quanh năm nắng nóng sẽ khác khi áp dụng ở những nơi có đông dân cư, nhiều cơ sở hạ tầng, thời tiết khó khăn. Thực tế, điều kiện sống, hoạt động và học tập của học sinh hiện nay rất đa dạng và KN của học sinh mang đặc điểm kỹ năng sống của nhiều vùng miền, nhiều dân tộc nên môi trường HS tham gia GDKNTH cũng cần phải đặc biệt cân nhắc, lựa chọn phương pháp rèn luyện phù hợp nhất.

GV và cha mẹ HS đóng vai trò chủ đạo, tham gia trực tiếp vào các hoạt động GDKNTH. Tuy nhiên để đạt thành công và đem lại hiệu quả tối ưu cần có sự phối hợp giữa các lực lượng xã hội trong cộng đồng như chính quyền địa phương, công an, y tế.... hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức các hoạt động đặc thù, yêu cầu tính chuyên môn cao khi GDKNTH trong và ngoài nhà trường. Tỷ lệ “rất ảnh hưởng” của “Sự phối hợp của nhà trường với địa phương”, “Sự phối hợp của nhà trường với gia đình HS” đều được đánh giá trên 50% nhưng thực tế sự tham gia của các lực lượng này chưa được đồng đều, sự xuất hiện của chính quyền địa phương ở tất cả các KN đều chưa cao. Chính quyền địa phương và các lực lượng khác ngoài xã hội nên chung tay hỗ trợ nhà trường và gia đình để GDKNTH cho HS, tạo ra môi trường sống an toàn cho HS có thể phát triển toàn diện nhất.

“Sự tham gia của các phương tiện truyền thông trong cộng đồng” bao gồm mạng xã hội, Internet, tivi, báo đài,... là những cụm từ không còn quá xa lạ với các thế hệ HS hiện nay, bao gồm cả HS tiểu học. Lượng thông tin, tranh ảnh trên các phương tiện truyền thông ngày càng nhiều, HS có thể dễ dàng tìm kiếm, truy cập, nắm bắt những nguồn thông tin đó một cách nhanh chóng. “Sự tham gia của các phương tiện truyền thông trong cộng đồng” được đánh giá “rất ảnh hưởng” với tỷ lệ 54,5% và “ảnh hưởng” là 28,2%, xếp vị trí thứ 2 trong tổng số 6 yếu tố khách quan. Gia đình, nhà trường và các lực lượng giáo dục nên tận dụng lợi thế của internet,

truyền hình, sách báo,... và đặc trưng lứa tuổi ở giai đoạn này là các em thích khám phá, tìm tòi thế giới xung quanh để tuyên truyền và đa dạng hình thức tổ chức, đem GDKNTH đến gần với HSTH càng sớm càng tốt. Tuy nhiên những phương tiện truyền thông này vẫn tồn tại nhiều mặt trái, sự kiểm soát, đồng hành từ phía người lớn là không thể thiếu.

3.2.2. Các yếu tố chủ quan

Bảng 3.1: Ý kiến của GV về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan

TT	Điều kiện	Mức độ ảnh hưởng					Mean
		1	2	3	4	5	
1	Năng lực quản lý và tổ chức của cán bộ quản lý nhà trường	3,4%	1,4%	15,9%	34,3%	44,9%	4,16
2	Nhận thức của CBQL, GV về GDKN TH cho HS tiểu học	3,8%	0,5%	9,1%	32,1%	54,5%	4,33
3	Nhận thức của HS và phụ huynh về tầm quan trọng GDKNTH cho HSTH	2,9%	0,5%	9,5%	30,0%	57,1%	4,38
4	Phương pháp giáo dục của GV	2,9%	0,5%	8,6%	28,6%	59,5%	4,41
5	Kinh nghiệm của GV khi tham gia các hoạt động về GDKNTH cho HSTH	2,9%	0,5%	10,0%	32,4%	54,3%	4,35
6	KN tổ chức hoạt động giáo dục KN thoát hiểm cho HSTH	2,4%	0,5%	8,1%	35,7%	53,3%	4,37
7	Lựa chọn nội dung giáo dục	2,4%	0,5%	12,4%	30,6%	54,1%	4,33
8	Trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động GDKNTH cho HSTH	2,4%		13,3%	37,6%	46,7%	4,26

Theo đánh giá của GV, thì cả 8 yếu tố chủ quan đều có ảnh hưởng lớn đến GDKNTH cho HSTH với ĐTB từ 4,16 đến 4,41, trong đó ảnh hưởng lớn nhất là “Phương pháp giáo dục của GV” điểm đánh giá là 4,41, sau đó “Nhận thức của HS và phụ huynh về tầm quan trọng giáo dục KN thoát hiểm cho HS tiểu học” và “KN tổ chức hoạt động giáo dục KN thoát hiểm cho HS tiểu học” lần lượt là 4,38, 4,37. Ảnh hưởng ít hơn là “Năng lực quản lý và tổ chức của CBQL nhà trường” với 4,16. Trong các yếu tố được khảo sát, “Nhận thức của HS và phụ huynh về tầm quan trọng GDKNTH cho HS tiểu học” có tỉ lệ “rất ảnh hưởng” 57,1%, “Nhận thức của CBQL, GV về GDKNTH cho HSTH” là 54,4%. Nhận thức được hình thành từ nhiều con đường như giáo dục của nhà trường, sự tham gia vào những hoạt động trải nghiệm, khả năng tự học,...thuộc nhóm các yếu tố chủ quan ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình GDKNTH. Chỉ khi nhận thức được vấn đề sẽ tạo ra cơ sở để có hành vi đúng trước tình huống rủi ro gặp phải, đồng thời động cơ thực hiện khi đó xuất phát từ bên trong, từ chính bản thân, không bị chi phối, không bị phụ thuộc vào yếu tố môi trường bên ngoài. Nhận thức phát triển khiến HS tham gia các hoạt động với vai trò là chủ thể của các hoạt động đó,

khơi gợi tính tò mò và mong muốn được khám phá, tìm hiểu thế giới xung quanh. Sự cố gắng, phấn đấu học tập, rèn luyện của HS là điều kiện cần thiết giúp mọi tác động từ phía GV, từ cha mẹ HS và các lực lượng trở nên có hiệu quả hơn.

“Phương pháp giáo dục của GV”, “Kinh nghiệm của GV khi tham gia các hoạt động về giáo dục KN thoát hiểm cho HSTH”, “KN tổ chức hoạt động GDKNTH cho HSTH”, “Lựa chọn nội dung giáo dục”, “Trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động GD

KNTH cho HSTH” đều là những yếu tố chiếm vị trí quan trọng, không thể thiếu trong quá trình tổ chức thực hiện. Yếu tố “Phương pháp giáo dục của GV” (59,5%) có tỉ lệ đánh giá cao nhất trong các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động GDKNTH, sau đó là “Kinh nghiệm của GV” và việc “Lựa chọn nội dung” chiếm 54,3%, 54,1%, chênh lệch 0,2%. Những yếu tố này đều có mức độ “rất ảnh hưởng” và “ảnh hưởng” lớn, dao động từ 30% đến gần 55%. Kết hợp giữa việc lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đa dạng, phong phú, phù hợp với điều kiện thực tiễn và sự phát triển tâm sinh lý lứa tuổi HS với những KN, kinh nghiệm tổ chức hoạt động trải nghiệm của GV giúp bài học đến gần hơn với HS, HS nhận thức được tầm quan trọng, từ đó hình thành tư tưởng, quan niệm đúng đắn về KNTH trong cuộc sống. Tuy nhiên quá trình giáo dục không đạt hiệu quả tối ưu nếu thiếu yếu tố trang thiết bị hỗ trợ là phương tiện phục vụ quá trình dạy và học của GV cũng như HS, là điều kiện tiên quyết để thực hiện mục tiêu giáo dục đã đề ra, giúp nâng cao chất lượng, bảo đảm hiệu quả hoạt động. Kết quả khảo sát cũng cho thấy “Trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động GDKNTH cho HSTH” có điểm mức độ ảnh hưởng cao, đạt ĐTB 4,26. Thực tế, tỉ lệ CSVC, trang thiết bị dành cho GDKNTH ở một số khu vực vẫn chưa đạt yêu cầu, tình trạng thiếu đồ dùng học tập chuyên dụng vẫn còn tồn tại, hàng năm các nhà trường chưa có kế hoạch bảo trì để đảm bảo an toàn cho HS.

3.3. Thực trạng các điều kiện để thực hiện GDKNTH

Kết quả khảo sát ý kiến của GV về thực trạng các điều kiện để thực hiện GDKNTH cho thấy phần lớn các yếu tố về CSVC, trang thiết bị, kinh phí, thông tin và đội ngũ CBQL, GV đều đã đáp ứng được yêu

cầu. Cụ thể, “Đội ngũ CBQL, GV tham gia vào các hoạt động GDKNTH” (67,5%) có tỉ lệ đủ/đáp ứng yêu cầu cao nhất, xếp sau là “Nguồn thông tin cho các hoạt động GDKNTH” (50,2%). Song song với đó tình trạng CSVG, thiết bị tổ chức, kinh phí dành cho hoạt động GDKNTH chưa được đảm bảo về số lượng, trong đó phần lớn là CSVG và trang thiết bị (65,1%). Ngoài ra, có thể thấy sự chênh lệch giữa các mức độ đánh giá ở nội dung nguồn thông tin dành cho GDKNTH chưa thực sự rõ ràng, tỉ lệ thiếu tài liệu, sách báo, hình ảnh vẫn rất cao. Nhìn chung, điều kiện để thực hiện GDKNTH còn gặp nhiều khó khăn, nhà trường cần đưa ra biện pháp phù hợp khắc phục thực trạng trên để nâng cao chất lượng quá trình giáo dục.

4. Kết luận

Các yếu tố ảnh hưởng được GV đánh giá ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KN thoát hiểm, bao gồm các yếu tố chủ quan và khách quan, trong đó đa số các yếu tố chủ quan có mức độ ảnh hưởng cao hơn. Một trong những yếu tố được GV và ban giám hiệu tại các cơ sở giáo dục tiểu học đánh giá rất ảnh hưởng là Phương pháp giáo dục của GV. Việc lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp giúp quá trình

truyền tải nội dung thông tin đến HS trở nên hiệu quả hơn. GV nên đề cao tính trải nghiệm, tạo điều kiện cho các em rèn luyện qua nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, đồng thời lựa chọn linh hoạt, sáng tạo các phương pháp tổ chức sao cho phù hợp với những yếu tố liên quan đến nội dung bài.

Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài GDKNTH cho HSTH Hà Nội. Mã số 01X-12/02-2020-3.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Bình (2009), *Giáo trình chuyên đề Giáo dục KN sống*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 248 tr.

2. Bùi Thu Hiền (2016), *KN tồn tại và thoát hiểm*, 200 tr, Nxb QĐND.

3. Quốc hội, Luật trẻ em, số 102/2016/QH13

4. Lưu Thu Thủy, Trần Thị Tố Oanh, Nguyễn Thị Thu Hà (2015), *Bài tập rèn luyện KN sống cho HS lớp 1,2,3,4,5*, Nxb giáo dục.

5. UNICEF (2016), *Global evaluation of life skills education programmes*. New York: United Nations Children’s Fund.

6. World Health Organization (2020), *Life Skills Education for Children and Adolescents in Schools*.

Thực trạng dạy học môn Tư tưởng.....(tiếp theo trang 118)

Từ bảng số liệu tổng kết quả tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh của SV 05 trường Đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương chúng ta có thể nhận thấy rằng vẫn còn một bộ phận SV có kết quả học tập dưới mức “Trung bình”. Thực trạng này đòi hỏi nhà trường mà cụ thể là đội ngũ GV giảng dạy môn học cần tiếp tục nghiên cứu và triển khai thực hiện các biện pháp đổi mới nâng cao chất lượng dạy học môn học này trong thời gian tới.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng dạy học môn TTHCM cho SV các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã cho phép khẳng định: Các nhà trường mà trực tiếp là GV và SV ngày càng quan tâm sâu sắc đến vị trí của môn TTHCM trong chương trình đào tạo; tầm quan trọng của dạy học môn học trong giai đoạn hiện nay. Các thành tố của quá trình dạy học môn TTHCM cho SV trường Đại học không ngừng được hoàn thiện và đã đạt được một số kết quả nhất định, song còn nhiều tồn tại cần được giải quyết. Những thông tin về kết quả nghiên cứu thực trạng trên đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để lãnh đạo

các trường ĐH, các khoa chuyên môn, GV tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các biện pháp góp phần hoàn thiện, nâng cao chất lượng dạy học môn TTHCM tại các nhà trường.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013) về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

3. Nguyễn Văn Cường (2010), *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở trường trung học phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Hồ Chí Minh toàn tập (2011), tập 15. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật; tr.672.